

Số: 251/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 28 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 4 năm 2026 lập tại Tòa án nhân dân khu vực 2- Đồng Nai.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 615/2026/TLST-VDS ngày 16/04/2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Phan Văn V**, sinh năm 1998;

CCCD số: 091098013251.

Địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ 6, ấp Dân Quân, xã Ngọc Chúc, tỉnh An Giang.

Chỗ ở: Ấp Bến Cam, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Chị **Phạm Thị V1**, sinh năm 2000;

CCCD số: 091300010256.

Địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ 6, ấp Dân Quân, xã Ngọc Chúc, tỉnh An Giang.

Chỗ ở: Ấp Bến Cam, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 118 ngày 20 tháng 12 năm 2018 do UBND xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) cấp thì quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị V1 và anh Phan Văn V là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm và lối sống không hòa hợp. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Phan Văn V và chị Phạm Thị V1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Phan Văn V và chị Phạm Thị V1 là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[2] *Về con chung*:

Anh Phan Văn V và chị Phạm Thị V1 có 01 con chung là: Phan Thiên P, sinh ngày/tháng/năm: 30/06/2018. Các đương sự tự nguyện thỏa thuận giao con chung cho chị Phạm Thị V1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Phan Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] *Nợ chung*: Hai bên xác nhận không có nên không xem xét.

[5] *Về lệ phí*: Anh Phan Văn V và chị Phạm Thị V1 mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phan Văn V và chị Phạm Thị V1 thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Có 01 con chung là Phan Thiên P, sinh ngày/tháng/năm: 30/06/2018.

Về người trực tiếp nuôi con: Giao con chung: Phan Thiên P cho chị Phạm Thị V1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Phan Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4. Nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Anh Phan Văn V và chị Phạm Thị V1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị Phạm Thị V1, anh Phan Văn V mỗi người đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008427 ngày 13/4/2026 của thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị Phạm Thị V1, anh Phan Văn V đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đồng Nai;
- UBND xã (phường, thị trấn) nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Văn Đại